TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2021/HS-PT
Ngày: 21/5/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hạnh;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Đình Lực;

Ông Bùi Xuân Trọng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đức Minh - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 21 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1047/2020/TLPT-HS ngày 20 tháng 11 năm 2020. Do có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

** Bị cáo bị kháng nghị, bị kháng cáo:*

Nguyễn Văn L sinh năm 1986; nơi cư trú: Thôn 3, xã Thanh P, huyện Thanh L1, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1964; vợ: Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1988 và có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt từ ngày 21/5/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án:* Bà Lê Thị Thu H - Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Nam thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại có kháng cáo:*

- Bà Lê Thị H1, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn 1, xã Công L1, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Bà Trần Thị H2, sinh năm 1982; Trú tại: Thôn Hòa Thái T1, xã Tràng A, huyện Bình L2, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965; Trú tại Xóm 5, thôn Phúc T3, xã Hợp L3, huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam; có mặt.

- Bà Trần Thị T4, sinh năm 1975; Trú tại: Thôn 2, xã Bồ Đ1, huyện Bình L2, tỉnh Hà Nam; có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến kháng cáo:*

- Bà Phạm Thị Hải Y, sinh năm 1988; Trú tại: Thôn 3, xã Thanh P, huyện Thanh L1, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu khí dầu mỏ, hóa lỏng Hà Nam; có ông Dương Văn B - Giám đốc công ty; có mặt.

Địa chỉ: Đường D3, khu công nghiệp Châu S , phường Lê Hồng P , thành phố Phủ L4 , tỉnh Hà Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L5 làm việc tại Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu khí dầu mỏ, hóa lỏng Hà Nam (sau đây gọi tắt là Công ty CPTM khí, hóa lỏng Hà Nam) có địa chỉ ở Khu công nghiệp Châu S, phường Lê Hồng P, thành phố Phủ L4, tỉnh Hà Nam có nhiệm vụ được phân công chở và giao gas cho các đại lý theo một phần tuyến của huyện Bình L2 và huyện Lý N1, tỉnh Hà Nam. Trong thời gian làm việc, L5 thuê anh Nguyễn Thái C đi cùng xe để làm nhiệm vụ bốc hàng lên xuống xe giao cho các đại lý.

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến tháng 11/2019, do muốn có tiền tiêu xài, Nguyễn Văn L5 đã nói dối các đại lý: "Công ty đang hỗ trợ để tăng sản lượng gas, nếu đặt cọc tiền trước, trả gas sau thì Công ty sẽ hỗ trợ với giá thấp hơn so với thị trường"; sau đó, L5 lại tiếp tục nói "Công ty sắp cắt hỗ trợ, giá sẽ cao nếu đồng ý đặt cọc thì Công ty sẽ chịu phần lỗ để các đại lý được hưởng giá thấp hơn so với thị trường". L5 yêu cầu các khách hàng phải giữ kín không cho ai biết thông tin này. Do tin tưởng Nguyễn Văn L5 nên các đại lý đã đặt cọc tiền trước, trả gas sau cho L5 với giá thấp hơn giá thông báo của công ty. Với thủ đoạn trên Nguyễn Văn L5 đã nhận tiền đặt cọc là 2.303.720.000đ

của 22 chủ cửa hàng bán gas tại địa bàn huyện Lý N1 và huyện Bình L2 sau đó chiếm đoạt tiền để tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

1. Bà Trương Thị H3, sinh năm 1960, trú tại: Thôn Hội Đ2 2, xã Đức L5, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "H3 Q" đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua gas. Nhưng bà khai không nhớ giá đặt cọc cụ thể từng đợt là bao nhiêu, chỉ nhớ giá cao nhất là 270.000đ/bình và giá thấp nhất là 130.000đ/bình. Căn cứ vào 01 quyển sổ có chữ ký của L5 cũng không ghi giá cụ thể mà chỉ ghi số lượng bình gas đã trả và còn nợ do bà Hinh xuất trình nên cơ quan điều tra áp dụng mức giá thấp nhất là 130.000đ/bình tương ứng 751 bình là số tiền 97.630.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho bà H3 484 bình gas tương ứng số tiền 62.920.000 đồng, còn lại 267 bình gas tương ứng số tiền 34.710.000 đồng L5 chiếm đoạt.

2. Anh Vũ Quang H4, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Vũ X, xã Đạo L6, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Quang Huề", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.222 bình gas tương ứng số tiền 182.245.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh H4 670 bình gas tương ứng số tiền 97.265.000 đồng, còn lại 552 bình gas tương ứng số tiền 84.980.000 đồng L5 chiếm đoạt.

3. Anh Nguyễn Tiến Đ3 sinh năm 1985, trú tại: Thôn Quang O, xã Bắc L7, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Tiến Đ3", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.207 bình gas tương ứng số tiền 168.980.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh Đ3 917 bình gas tương ứng số tiền 128.380.000 đồng, còn lại 290 bình gas tương ứng số tiền 40.600.000 đồng L5 chiếm đoạt.

4. Anh Nguyễn Văn H5 sinh năm 1983, trú tại: Thôn 5, xã Chính L8, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Hoàng H6", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.177 bình gas tương ứng số tiền 176.550.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh H5 839 bình gas tương ứng số tiền 125.850.000 đồng, còn lại 338 bình gas tương ứng số tiền 50.700.000 đồng L5 chiếm đoạt.

5. Ông Nguyễn Văn H7 sinh năm 1967, trú tại: Thôn Ngô B1, xã Đức L5, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Hà T3", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 420 bình gas tương ứng số tiền 78.100.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho ông H7 129 bình gas tương ứng số tiền 24.510.000 đồng, còn lại 291 bình gas tương ứng số tiền 53.590.000 đồng L5 chiếm đoạt.

6. Anh Trần Hải Q sinh năm 1975, trú tại: Thôn 2, xã Bồ Đ1, huyện Bình L2 là chủ cửa hàng bán gas "Huyền T3", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.816 bình gas tương ứng số tiền 272.400.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh

Q 973 bình gas tương ứng số tiền 145.950.000 đồng, còn lại 843 bình gas tương ứng số tiền 126.450.000 đồng L5 chiếm đoạt.

7. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1965, trú tại: Xóm 5, thôn Phúc T3, xã Hợp L3, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Thu H9", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 6.514 bình gas tương ứng số tiền 1.128.680.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho ông T2 2.875 bình gas tương ứng số tiền 534.775.000 đồng, còn lại 3.639 bình gas tương ứng số tiền 593.905.000 đồng L5 chiếm đoạt.

8. Ông Nguyễn Văn L10, sinh năm 1965, trú tại: Thôn 2, xã An N3, huyện Bình L2 là chủ cửa hàng bán gas "L10 L11", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 2.625 bình gas tương ứng số tiền 496.950.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho ông L102.154 bình gas tương ứng số tiền 417.170.000 đồng, còn lại 471 bình gas tương ứng số tiền 79.780.000 đồng L5 chiếm đoạt.

9. Chị Trần Thị T4, sinh năm 1975, trú tại: Thôn 2, xã Bồ Đ1, huyện Bình L2 là chủ cửa hàng bán gas "T4 K2", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 4.352 bình gas tương ứng số tiền 808.400.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho chị T4 2.773 bình gas tương ứng số tiền 527.180.000 đồng, còn lại 1.579 bình gas tương ứng số tiền 281.220.000 đồng L5 chiếm đoạt.

10. Anh Cù Văn C2, sinh năm 1975, trú tại: Thôn 2, xã An N4, huyện Bình L2 là chủ cửa hàng bán gas "C2 T5", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.400 bình gas tương ứng số tiền 250.750.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh C2793 bình gas tương ứng số tiền 152.810.000 đồng, còn lại 607 bình gas tương ứng số tiền 97.940.000 đồng L5 chiếm đoạt.

11. Chị Phạm Thị N5, sinh năm 1979, trú tại: Thôn 4, xã Chính L8, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Hà N5", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 410 bình gas tương ứng số tiền 69.150.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho chị N5210 bình gas tương ứng số tiền 37.150.000 đồng, còn lại 200 bình gas tương ứng số tiền 32.000.000 đồng L5 chiếm đoạt.

12. Anh Nguyễn Văn C4, sinh năm 1974, trú tại: Xóm 1, xã Nguyên L12, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Mạnh C4", đã đặt cọc tiền để mua gas của L5. Sau đó, L5 đã chiếm đoạt của anh C4 260 bình gas tương ứng số tiền 42.200.000 đồng.

13. Chị Trần Thị H2, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Hòa Thái T1, xã Tràng A, huyện Bình L2 là chủ cửa hàng bán gas "Vinh H8", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.700 bình gas tương ứng số tiền 287.500.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho chị H8 963 bình gas tương ứng số tiền 183.820.000 đồng, còn lại 737

bình gas tương ứng số tiền 103.680.000 đồng L5 chiếm đoạt.

14. Chị Nguyễn Thị L5, sinh năm 1980; trú tại: Đội 1, xã Ngọc L13, huyện Bình L2 là chủ cửa hàng gas "Hải L5", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.577 bình gas tương ứng số tiền 274.285.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho chị L5 812 bình gas tương ứng số tiền 159.385.000 đồng, còn lại 765 bình gas tương ứng số tiền 114.900.000 đồng L5 chiếm đoạt.

15. Ông Vũ Văn U, sinh năm 1969, trú tại: Thôn Vũ X, xã Đạo L6, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng gas "Tuân H10", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 100 bình gas tương ứng số tiền 17.750.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho ông U 33 bình gas tương ứng số tiền 6.105.000 đồng, còn lại 67 bình gas tương ứng số tiền 11.645.000 đồng L5 chiếm đoạt.

16. Chị Lê Thị H1, sinh năm 1977, trú tại: Thôn 1, xã Công L1, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Hà L13", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.922 bình gas. Sau đó, L5 đã trả cho chị Hà 1.054 bình gas, còn lại 868 bình gas tương ứng số tiền 127.200.000 đồng L5 chiếm đoạt.

17. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, trú tại: Xóm 3, xã Nguyên L12, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "D Q", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 637 bình gas tương ứng số tiền 101.920.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho chị D 458 bình gas tương ứng số tiền 73.280.000 đồng, còn lại 179 bình gas tương ứng số tiền 28.640.000 đồng L5 chiếm đoạt.

18. Anh Nguyễn Mạnh D1, sinh năm 1986, trú tại: Thôn Trần T8, xã Trần Hưng Đạ, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "D1 O1", đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 1.690 bình gas tương ứng số tiền 294.200.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh D1 428 bình gas tương ứng số tiền 77.040.000 đồng, còn lại 1.262 bình gas tương ứng số tiền 217.160.000 đồng L5 chiếm đoạt.

19. Anh Trần Văn K1, sinh năm 1979, trú tại: Thôn An P1, xã An N9, huyện Bình L2 là chủ cửa hàng bán gas "K1 T9" đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 320 bình gas tương ứng số tiền 54.400.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh Kiên 03 lần tổng là 80 bình gas bằng 13.600.000 đồng, còn lại 240 bình với số tiền 40.800.000 đồng L5 chiếm đoạt.

20. Ông Phạm Thanh H14, sinh năm 1969, trú tại: Thôn Trần T14, xã Trần Hưng Đ3, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Chín T13" đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 143 bình gas tương ứng số tiền 31.460.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho ông H14 17 bình gas bằng 3.740.000 đồng, còn lại 126 bình gas tương ứng số tiền 27.720.000 đồng L5 chiếm đoạt.

21. Anh Hoàng Văn H16, sinh năm 1980, trú tại: Thôn Chỉ T14, xã Hợp L3, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Tuấn H16" đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 695 bình gas tương ứng số tiền 109.235.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho anh H16 288 bình gas bằng 49.020.000 đồng, còn lại 407 bình gas tương ứng số tiền 60.215.000 đồng L5 chiếm đoạt.

22. Chị Nguyễn Thị Bích L15, sinh năm 1986; trú tại: Thôn Hoàng X2, xã Trần Hưng Đ3, huyện Lý N1 là chủ cửa hàng bán gas "Tuân L15", từ ngày 31/10/2019 đến ngày 09/11/2019 đã chuyển tiền đặt cọc cho L5 để mua 318 bình gas tương ứng số tiền 56.830.000 đồng. Sau đó, L5 đã trả cho chị L15 17 bình gas bằng 3.145.000 đồng, còn lại 301 bình gas tương ứng số tiền 53.685.000 đồng L5 chiếm đoạt.

Do quá thời hạn giao hàng như đã thỏa thuận nhưng L5 vẫn không giao gas cho các chủ đại lý, bỏ trốn khỏi nơi cư trú, không liên lạc được, nên ngày 22/11/2019, một số người bị hại đã làm đơn gửi Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam tố cáo Nguyễn Văn L5 . Căn cứ các tài liệu đã thu thập, ngày 28/4/2020, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và khám xét nơi ở đối với Nguyễn Văn L5 . Quá trình thực hiện lệnh khám xét không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án. Ngày 14/5/2020, Cơ quan CSĐT đã ra quyết định truy nã đến ngày 21/5/2020 Nguyễn Văn L5 bị bắt tại phường Quang T16, thành phố Phủ L4 , tỉnh Hà Nam.

Sau khi những bị hại có đơn tố cáo trước cơ quan pháp luật, Nguyễn Văn L5 đã nói cho chị Phạm Thị Hải Y (là vợ) biết sự việc để giúp bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt. Chị Y đã trực tiếp trả lại một phần tiền cho các bị hại, cụ thể gồm: Anh Trần Văn K1 5.000.000 đồng còn lại 35.800.000đ; chị Trần Thị T13 30.000.000 đồng còn lại 251.220.000đ; anh Cù Văn C 10.000.000 đồng còn lại 87.940.000đ; ông Nguyễn Văn L10 10.000.000 đồng còn lại 69.780.000đ; chị Nguyễn Thị L5 20.000.000 đồng còn lại 94.900.000đ; anh Vũ Quang H4 10.000.000 đồng còn lại 74.980.000đ; anh Nguyễn Tiến Đ3 5.000.000 đồng còn lại 35.600.000đ; chị Lê Thị H1 10.000.000 đồng còn lại 117.200.000đ; chị Nguyễn Thị Bích L15 5.000.000 đồng còn lại 48.685.000đ; anh Nguyễn Mạnh D1 10.000.000 đồng còn lại 207.160.000đ; ông Phạm Thanh H1 4 2.000.000 đồng còn lại 25.720.000đ; chị Phạm Thị N2 3.000.000 đồng còn lại 29.000.000đ; Anh Hoàng Văn H16 10.000.000 đồng còn lại 50.215.000đ; ông Nguyễn Văn H75.000.000 đồng còn lại 48.590.000đ; anh Nguyễn Văn C 3.000.000 đồng còn lại 39.200.000đ. Đối với anh Trần Hải Q trả

được 20.000.000 đồng và anh Q giảm số tiền nợ cho L5 56.450.000đ còn lại 50.000.000đ; chị Trần Thị H2 giảm số tiền nợ cho L5 24.000.000đ còn lại 79.680.000đ. Tổng số tiền chị Y trả nợ và số tiền anh Q, chị H giảm cho L5 là 238.450.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L5 phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn L5 15 (mười lăm) năm, 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 21/5/2020.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí, thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 20/10/2020, các bị hại bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử lại bản án nêu trên theo trình tự phúc thẩm, tăng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L5 , áp dụng Điều 597 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc Công ty C4khí dầu mỏ hóa lỏng Hà Nam trực tiếp thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại dân sự, xem xét trách nhiệm hình sự của Phạm Thị Hải Y để đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng cho các bị hại theo quy định của pháp luật.

- Ngày 28/10/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/QĐ-VKS-P2 ngày 28/10/2020 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm theo hướng không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Văn L5 khai nhận thành khẩn hành vi phạm tội của mình đúng như quy kết của các cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm, bị cáo cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là đúng pháp luật, mức hình phạt như đã tuyên là phù hợp. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận

kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và kháng cáo của những người bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Những người bị hại là bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 giữ nguyên kháng cáo với nội dung nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội; các sai sót của cấp sơ thẩm trong việc nhận định, đánh giá, áp dụng pháp luật, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại, sửa bản án sơ thẩm, tăng hình phạt tù đối với bị cáo L5. Đối với kháng cáo về phần dân sự của các bị hại thì không có căn cứ để chấp nhận, đề nghị giữ nguyên nội dung án sơ thẩm.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn L5 : Nhất trí về tội danh, điều luật, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo. Bản thân bị cáo trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã rất ăn năn hối cải. Gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ bị cáo chỉ làm công ăn lương ở công ty ga, phải nuôi hai con nhỏ còn đang đi học và cha mẹ già. Do đó, việc bị cáo đã tác động vợ trả cho các bị hại một phần số tiền đã chiếm đoạt là đã quá khả năng của vợ bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức hình phạt khoan hồng, để bị cáo sớm trở về với xã hội, có điều kiện lao động để trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại cũng như chăm sóc gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án thu thập đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; nghe lời khai của bị cáo, bị hại tại phiên tòa phúc thẩm, nghe kết quả tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và đơn kháng cáo của các bị hại: Bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Bà Trần Thị T4, Ông Nguyễn Văn T2 đảm bảo về mặt hình thức, trong hạn luật định được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Tại giai đoạn sơ thẩm, các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng; đến cấp phúc thẩm, đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, những người tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2017 đến tháng 11/2019, Nguyễn Văn L5 làm việc tại Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu khí dầu mỏ, hóa lỏng Hà Nam vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã dùng thủ đoạn gian dối, đưa ra các nội dung không đúng sự thật về việc công ty hạ giá gas cho các đại lý đặt cọc tiền trước. Nếu đại lý nào đặt cọc càng nhiều tiền thì hưởng giá gas càng thấp và yêu cầu giữ kín thông tin không nói với ai để các chủ cửa hàng tin tưởng đặt cọc, đưa tiền cho Nguyễn Văn L5 . Với thủ đoạn trên, L5 đã lừa đảo chiếm đoạt của 22 chủ cửa hàng bán gas, chiếm đoạt tổng số tiền là 2.303.720.000 đồng.

Với hành vi phạm tội nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Văn L5 về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L5 là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, hành vi ấy không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của 22 bị hại được pháp luật bảo vệ, làm sói mòn lòng tin giữa con người và con người; ảnh hưởng rất xấu đến tình hình An N9, an toàn trật tự xã hội trên địa bàn của tỉnh, đồng thời gây dư luận xấu, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Hành vi của bị cáo cần phải xử phạt nghiêm minh trước pháp luật để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam với nội dung không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, tăng hình phạt tù đối với bị cáo và kháng cáo của những người bị hại đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L5 ; Hội đồng xét xử thấy:

Với diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn L5 như đã nêu trên, Toà án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá, áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, trong đó: bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội hai lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, là đúng pháp luật. Bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ như: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa đều thành khẩn khai nhận, ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội; gia đình có công với cách mạng, ông nội bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Đối với kháng nghị không cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo thực hiện bồi thường cho 22 bị hại là 158.000.000 đồng/ trên tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 2.303.720.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả" theo điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS là chưa phù hợp với tinh thần của Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; giải đáp tại Công văn 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao, thì việc "bồi thường được một phần nghĩa vụ dân sự" theo khoản 1 Điều 63 BLHS, được hiểu là "bồi thường ít nhất một phần hai nghĩa vụ dân sự theo bản án" hoặc "đã bồi thường được một phần ba đến dưới một phần hai giá trị tài sản bị chiếm đoạt, nếu bán hết nhà và tài sản, vay mượn … mức tối đa". Đối chiếu các quy định và hướng dẫn trên thì bị cáo Nguyễn Văn L5 đã bồi thường là 158.000.000 đồng/trên tổng số tiền bị cáo đã chiếm đoạt là 2.303.720.000 đồng, của 22 bị hại là cửa hàng bán gas trên địa bàn rộng lớn của hai huyện: huyện Lý N1 và huyện Bình L2. Như vậy, số tiền bị cáo đã bồi thường chỉ tương ứng với tỷ lệ là 1/14 so với số tiền đã lừa đảo chiếm đoạt, là bồi thường không đáng kể; nội dung kháng nghị trên là có căn cứ. Tuy không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo L5, nhưng cần ghi nhận có việc bồi thường và cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ Luật hình sự.

Ngoài việc cần xem xét đối chiếu giữa tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng, đồng thời cần xem xét đến mức độ bồi thường khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội gây ra với số lượng tiền chiếm đoạt tương đương với khoảng mức hình phạt mà Nghị quyết đã hướng dẫn, để đánh giá khi lượng hình. Đối với vụ án này, theo tinh thần Chỉ thị 21/CT-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ "về tăng cường phòng ngừa, xử lý hoạt động lừa đảo chiếm đoạt tài sản" trong phạm vi cả nước và ngày 09/6/2020 ba ngành làm án của tỉnh Hà Nam đã thống nhất xây dựng vụ án này là án trọng điểm, để đáp ứng yêu cầu đấu tranh, ngăn chặn, phòng ngừa đối với loại tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, trên địa bàn của tỉnh Hà Nam.

Do đó cần phải có mức án nghiêm minh hơn, nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung trong tình hình loại án lừa đảo có phần gia tăng trên địa bàn tỉnh Hà Nam (như án sơ thẩm đã nhận định BL: 911) để phục vụ tình hình chính trị

ở địa phương. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét để vừa đảm bảo sự nghiêm minh của pháp luật, vừa mang tính nhân đạo của chính sách pháp luật hình sự.

[4]. Đối với kháng cáo của các bị hại bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 đề nghị buộc Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu khí dầu mỏ, hóa lỏng Hà Nam trực tiếp thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại dân sự và đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự của Phạm Thị Hải Y để đảm bảo được quyền và lợi ích chính đáng cho các bị hại theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử thấy:

[4.1] Đối với kháng cáo yêu cầu Công ty Cổ phần thương mại xuất nhập khẩu khí dầu, hóa lỏng Hà Nam có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại:

Tài liệu hồ sơ vụ án thể hiện, giữa Công ty và các đại lý đã ký hợp đồng cung cấp khí dầu mỏ, hóa lỏng và vận chuyển LPG có nội dung tại mục 1.3 Điều 1 quy định giá bán "...Giá bán: Bên A thông báo cho bên B…tại mỗi thời điểm thay đổi giá…". Căn cứ vào các tài liệu Cơ quan Điều tra thu thập cũng như lời khai của các bị hại, bị cáo xác định giá gas các đại lý đặt cọc cho L5 thấp hơn so với thông báo giá gas của Công ty. Tại thời điểm này Công ty cũng không có thông báo giảm giá gas cho các đại lý đặt cọc trước. Mặt khác, nhiệm vụ Công ty giao cho L5 là lái xe và hàng ngày nhận đủ hàng từ công ty và giao đủ tiền hàng về Công ty. Nguyễn Văn L5 do muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đưa ra thông tin gian dối ưu đãi về giá nhằm đánh vào tâm lý của các đại lý muốn mua gas giá rẻ, đặt cọc tiền trước để chiếm đoạt tài sản. Thực tế các chủ đại lý không thông báo cho Công ty về việc làm sai trái của L5 trước khi đặt cọc mới dẫn đến bị thiệt hại. Nên việc L5 nhận tiền đặt cọc của các đại lý không liên quan đến nhiệm vụ Công ty giao cho L5 và cũng không nằm trong hợp đồng đã ký với các đại lý, đây là việc giữa cá nhân L5 với 22 bị hại nên Công ty không có chịu trách nhiệm bồi thường theo quy định tại Điều 597 Bộ luật dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá khách quan toàn diện là có cơ sở; buộc bị cáo Nguyễn Văn L5 phải bồi thường cho những người bị hại do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là đúng pháp luật.

[4.2] Đối với kháng cáo yêu cầu xem xét trách nhiệm của Phạm Thị Hải Y (vợ của bị cáo L5) là đồng phạm: Các tài liệu hồ sơ vụ án cho thấy Phạm Thị Hải Y chỉ biết hành vi Nguyễn Văn L5 phạm tội khi đã bị tố cáo trước Cơ quan Công an tỉnh Hà Nam. Do sự việc vỡ lở nên L5 nói với vợ giúp khắc phục, bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của bị hại. Nên không có căn cứ xác định chị Yến biết mà không tố giác tội phạm theo Điều 19, Điều 389 Bộ luật hình sự. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đã xem xét đánh giá là có căn cứ. Tuy nhiên, những người bị hại vẫn có

quyền cung cấp chứng cứ mới liên quan đến Phạm Thị Hải Y và đề nghị cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Từ những đánh giá nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và kháng cáo của những người bị hại là bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L5; không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại về phần trách nhiệm dân sự; sửa bản án hình sự sơ thẩm.

[5]. Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; những người bị hại là bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào Điều 355, Điều 356; Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam và chấp nhận một phần kháng cáo của những người bị hại là bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 về việc đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn L5; Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại là bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 về phần trách nhiệm dân sự. Sửa về phần hình phạt tù đối với bị cáo Nguyễn Văn L5 , giữ nguyên quyết định về phần trách nhiệm dân sự của Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L5 16 (mười sáu) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn thi hành án phạt tù tính từ ngày 21/5/2020.

2. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L5 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; Những người bị hại là bà Lê Thị H1, bà Trần Thị H2, Ông Nguyễn Văn T2, Bà Trần Thị T4 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nam;
- VKSND tp Hà Nam;
- Công an tp Hà Nam;
- Cục THADS tp Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Hạnh